

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2020/HS-ST
Ngày: 13-7-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Châu Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Hùng Dương.

2/ Ông Phạm Văn Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị H Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại Diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Điền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 132/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2020/QĐXXST-HS ngày 29/6/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Thị Tuyết L, sinh năm: 2000 tại tỉnh An Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 10, khóm V, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang. Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; con ông Phạm Thành N và bà Lê Thị Thúy H; bị cáo chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 04/01/2020 và tạm giam cho đến nay, có mặt.

2. Họ và tên: Danh Thanh D, sinh năm: 1994 tại tỉnh Bạc Liêu. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở: Số 4/14, khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Trình độ học vấn: 03/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khome; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; con ông Danh Xi N và bà Trần Thị M; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 04/01/2020 và tạm giam cho đến nay, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Lê Thị Thúy H, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

2. Ông Khương Văn C, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 193/22, tổ 22, khu phố 2, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

Người làm chứng: Lê Thị Hiếu T, Lữ Thanh Q, Nguyễn Lâm H, Nguyễn Ngọc H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Danh Thanh D và Phạm Thị Tuyết L có mối quan hệ tình cảm yêu thương nhau và đều là đối tượng nghiện ma túy. Vào khoảng giữa tháng 12/2019, L thuê phòng trọ số 3, thuộc khu nhà trọ của bà Lâm Thị G, địa chỉ tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương với giá 1.XX0.000 (một triệu, năm trăm ngàn) đồng 01 (một) tháng và L có nhận sang lại (nhận chuyển nhượng lại) phòng cách âm trên gác của phòng trọ trên cùng với 01 (một) dàn loa nghe nhạc gồm 03 (ba) cái loa và 01 (một) cái tủ lạnh với giá 5.000.000 (năm triệu) đồng từ một người phụ nữ (không rõ họ tên và địa chỉ cư trú) đã thuê phòng trọ số 3 này trước đó để sử dụng cùng với D. Sau khi thuê được phòng, L và D nảy sinh ý định cải tạo phòng trên gác thành "phòng bay" (phòng dành cho các đối tượng sử dụng ma túy) để cho thuê nên cả hai mua thêm đèn quay đủ màu, đèn laze, gắn máy lạnh và thiết kế lại căn phòng cách âm trên gác phòng trọ. Sau đó, từ giữa tháng 12/2019 cho đến ngày 04/01/2020, D và L đã cho thuê lại căn phòng này tất cả 04 (bốn) lần để các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào giữa tháng 12/2019, Phạm Thị Tuyết L và Danh Thanh D cho một nhóm gồm 03 người (không rõ họ tên và địa chỉ cư trú) thuê phòng trên gác của phòng trọ số 3 với giá là 1.000.000 (một triệu) đồng/01 (một) lần để nhóm này sử dụng trái phép chất ma túy. L chỉ biết trong nhóm này có một người nam thanh niên tên T (D gọi tên người này tên là Q) đứng ra thuê phòng và L trực tiếp thu tiền của T.

Lần thứ hai: Cách lần thứ nhất khoảng ba ngày, Phạm Thị Tuyết L và Danh Thanh D cho một nhóm gồm 06 người (không rõ họ tên và địa chỉ cư trú) thuê phòng trên gác của phòng trọ số 3 với giá là 1.XX0.000 (một triệu, năm trăm ngàn) đồng/01 (một) lần để nhóm này sử dụng trái phép chất ma túy. L chỉ biết trong nhóm, này có một người nam thanh niên tên H, người này đứng ra thuê phòng và L trực tiếp thu tiền từ Hoàng.

Lần thứ ba: Cách lần thứ hai khoảng bốn ngày, Phạm Thị Tuyết L cho một nhóm gồm 04 người (không rõ họ tên và địa chỉ cư trú) thuê phòng trên gác của phòng trọ số 3 với giá là 1.000.000 (một triệu) đồng/01 (một) lần để nhóm này sử dụng trái phép chất ma túy. L chỉ biết trong nhóm này có một người phụ nữ tên Lê, người này đứng ra thuê phòng và L trực tiếp thu tiền từ Lê.

Lần thứ tư: Khoảng 23 giờ ngày 03/01/2020, Nguyễn Lâm H, sinh năm 1996, cư trú tại thành phố Hồ Chí Minh sử dụng tài khoản trên mạng xã hội Facebook với tên "Nguyễn L" nhắn tin đến tài khoản có tên là "Dâu T" của Phạm Thị Tuyết L để hỏi thuê phòng để sử dụng ma túy thì được L đồng ý. Lúc

này, do Phạm Thị Tuyết L và Danh Thanh D đang làm việc tại quán Karaoke D, địa chỉ tại phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương nên D nói L về trước mở cửa phòng cho khách thuê còn D sẽ về sau. Khi về đến phòng trọ, L cho Nguyễn Lâm H cùng với hai người bạn của H là Lữ Thanh Q, sinh năm 1990, cư trú tại ấp Đ, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương và Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1995, cư trú tại ấp K, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương thuê phòng trên gác của phòng trọ số 3 với giá 1.XX0.000 (một triệu, năm trăm ngàn) đồng/01 (một) lần để các đối tượng này sử dụng trái phép chất ma túy. Trong lúc các đối tượng trên sử dụng ma túy trong phòng thì H nhờ L gọi giùm một người nữ phục vụ nước thì L đồng ý. Khoảng 01 giờ 20 phút ngày 04/01/2020, D về đến phòng trọ rồi cùng L canh cửa và cảnh giới để cho các đối tượng đã thuê phòng sử dụng trái phép chất ma túy.

Đến khoảng 02 giờ ngày 04/01/2020, khi Lê Thị Hiếu T, sinh năm 2001, cư trú tại ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp vừa đem nước đến phòng trọ số 3 để phục vụ theo yêu cầu của L trước đó thì cùng lúc này có lực lượng Công an phường Phú Thọ đến và tiến hành kiểm tra hành chính phòng trọ số 3 thuộc khu nhà trọ bà Lâm Thị G, thì phát hiện tại đây có nhiều dụng cụ sử dụng và phục vụ việc sử dụng trái phép chất ma túy và 06 (sáu) đối tượng gồm Phạm Thị Tuyết L, Danh Thanh D, Nguyễn Lâm H, Lữ Thanh Q, Nguyễn Ngọc H có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma túy nên Công an phường Phú Thọ mời tất cả đối tượng trên cùng với T về trụ sở Công an phường Phú Thọ làm việc.

Qua làm việc, Phạm Thị Tuyết L và Danh Thanh D thừa nhận hành vi cho Nguyễn Lâm H, Lữ Thanh Q và Nguyễn Ngọc H thuê phòng để sử dụng trái phép chất ma túy nên Công an phường Phú Thọ tiến hành lập biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu gồm: 01 (một) bộ loa có 03 (ba) cái, hiệu F8D; 01 (một) đèn quay phát sáng nhiều màu, hiệu PLO; 01 (một) đèn laze, hiệu mini Stage Lighting; 01 (một) túi nylon miệng kéo dính bên trong không có gì; 01 (một) điện thoại D động hiệu Iphone, màu trắng, có sim số 0383.343.XXX của Phạm Thị Tuyết L; 01 (một) điện thoại D động hiệu Oppo, màu đen và 01 (một) điện thoại D động hiệu Nokia, màu đen của Danh Thanh D; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, biển số 67D1-913.XX; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 67C1-326.XX và chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một để xử lý theo thẩm quyền. Cùng ngày 04/01/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Danh Thanh D và Phạm Thị Tuyết L (bút lục số 03, 08, 31→56).

Quá trình điều tra, qua 03 (ba) lần cho các đối tượng thuê phòng trước đây thì Danh Thanh D và Phạm Thị Tuyết L thu được tổng số tiền là 3.XX0.000 (ba triệu, năm trăm ngàn) đồng, nhưng riêng lần thứ 4 vào ngày 03/01/2020 thì D và L chưa nhận được tiền thuê phòng từ các đối tượng thuê thì đã bị Công an phường Phú Thọ phát hiện. Số tiền thu được từ việc cho thuê trên được L sử dụng hết vào việc trả tiền thuê phòng trọ, trả tiền mua góp máy lạnh và tiêu xài cá nhân của D và L.

Quá trình điều tra không xác định được các đối tượng thuê phòng của Danh Thanh D và Phạm Thị Tuyết L trong 03 (ba) lần cho thuê trước đó, tuy nhiên D và L đều thừa nhận hành vi đã nhiều lần cho thuê nên đủ căn cứ xác định D và L nhiều lần chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với các đối tượng Nguyễn Lâm H, Nguyễn Ngọc H, Lữ Thanh Q, quá trình điều tra xác định: Vào ngày 03/01/2020 các đối tượng trên có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và có kết quả xét nghiệm là dương tính với ma túy nên ngày 30/4/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với đối với mỗi đối tượng số tiền là XX0.000 (bảy trăm, năm mươi ngàn) đồng (164→165, 183→184, 196A→197).

Đối với đối tượng Lê Thị Hiếu T, quá trình điều tra xác định: T không sử dụng ma túy và có kết quả xét nghiệm là âm tính với ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một không đề cập xử lý.

Đối với ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1962, cư trú tại số 192/22, tổ 22, khu phố 2, phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương là chủ khu nhà trọ Lâm Thị G, địa chỉ tại số 192/22, tổ 22, khu phố 2, phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, quá trình điều tra xác định: Ông T không biết Danh Thanh D và Phạm Thị Tuyết L thuê phòng trọ để cho các đối tượng thuê lại để sử dụng ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một không đề cập xử lý (bút lục số 127→128).

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, biển số 67D1-913.XX, quá trình điều tra xác định: Xe mô tô trên do bà Lê Thị Thúy H, sinh năm 1969, cư trú tại ấp Bình Quới, xã Bình Thủy, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (bà H là mẹ ruột của Phạm Thị Tuyết L) đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe. Bà H cho L mượn xe để sử dụng sau đó L đã cho D mượn xe mô tô trên để đi làm và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một tạm giữ. Do đó, ngày 07/01/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một đã lập biên bản trả lại xe mô tô trên cho bà H theo Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 20 ngày 07/01/2020 (bút lục số 134, 145).

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 67C1-326.XX, quá trình điều tra xác định: Xe mô tô trên do ông Khương Văn C, sinh năm 1969, cư trú tại ấp Đông Bình 1, xã Vĩnh Thành, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang (ông C là sui gia của gia đình Phạm Thị Tuyết L) đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe. Ông C cho Phạm Thị Tuyết L mượn xe để đi lại hàng ngày và sau đó bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một tạm giữ. Do đó, ngày 07/01/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một đã lập biên bản trả lại xe mô tô trên cho ông C theo Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 21 ngày 07/01/2020 (bút lục số 149, 156).

Đối với 01 (một) điện thoại D động hiệu Oppo, màu đen và 01 (một) điện thoại động Nokia, màu đen thu giữ của Danh Thanh D, quá trình điều tra xác định: Hai điện thoại D động trên là tài sản cá nhân của Danh Thanh D và không PH là công cụ, phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội của Danh Thanh D

nên Viện kiểm sát ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố thành phố Thủ Dầu Một để đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho Danh Thanh D.

Đối với 01 (một) bộ loa có 03 (ba) cái, hiệu F8D; 01 (một) đèn quay phát sáng nhiều màu, hiệu PLO; 01 (một) đèn laze, hiệu mini Stage Lighting; 01 (một) túi nylon miệng kéo dính bên trong không có gì; 01 (một) điện thoại D động hiệu Iphone, màu trắng, có sim số 0383.343.XXX thu giữ của Phạm Thị Tuyết L, quá trình điều tra xét thấy là những phương tiện do Danh Thanh D và Phạm Thị Tuyết L sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một để đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Cáo trạng số 145/CT-VKS-HS ngày 22/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố các bị cáo Phạm Thị Tuyết L, Danh Thanh D về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, d khoản 2 Điều 256 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Đại Dện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù.

Về biện pháp tư pháp, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Trả cho bị cáo Danh Thanh D 01 (một) điện thoại D động hiệu Oppo, màu đen và 01 (một) điện thoại động Nokia, màu đen.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) bộ loa có 03 (ba) cái, hiệu F8D; 01 (một) đèn quay phát sáng nhiều màu, hiệu PLO; 01 (một) đèn laze, hiệu mini Stage Lighting; 01 (một) điện thoại D động hiệu Iphone, màu trắng, có sim số 0383.343.XXX.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) túi nylon miệng kéo dính bên trong không có gì.

- Buộc các bị cáo nộp số tiền 3.XX0.000đ (ba triệu năm trăm ngàn đồng) thu lợi bất chính sung ngân sách nhà nước.

Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Từ giữa tháng 12/2019 đến ngày 04/01/2020, Phạm Thị Tuyết L và Danh Thanh D thuê phòng trọ số 03 thuộc khu nhà trọ bà Lâm Thị G, địa chỉ tại số 193/22, tổ 22, khu phố 2, phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Sau đó, L và D thiết kế căn gác phía trên bên trong phòng thành phòng bay (là phòng dành cho các đối tượng sử dụng ma túy) và mua thêm các dụng cụ như đèn quay, đèn laze, gắn máy lạnh rồi 04 (bốn) lần cho các đối tượng thuê lại căn gác này để sử dụng trái phép chất ma túy. Trong 03 (ba) lần L và D cho thuê phòng trên gác của phòng trọ số 3 vào các ngày giữa tháng 12/2019 thì L và D thu được số tiền 3.XX0.000 (ba triệu, năm trăm ngàn) đồng, riêng ngày 04/01/2020 L và D đang cho Nguyễn Lâm H, Nguyễn Ngọc H, Lữ Thanh Q thuê phòng để sử dụng trái phép chất ma túy và chưa thu tiền thì bị phát hiện. Do đó, hành vi mà các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 256 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy. Hiện nay, tình hình nghiện hút chất ma túy đang Dễn ra phức tạp trong mọi tầng lớp. Tệ nạn này là mối quan tâm của toàn xã hội, một trong những nguyên nhân dẫn đến tệ nạn này chưa được đẩy lùi chính là có sự tiếp tay của các bị cáo. Do đó, đối với các bị cáo cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Vụ án có tính chất đồng phạm đơn giản, bị cáo L là người nảy sinh ý định, bị cáo D là người giúp sức, tiếp tay cho bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Bị cáo L là người nảy sinh ý định thuê phòng trọ, thiết kế gác phía trên phòng trọ thành phòng bay cho các đối tượng sử dụng ma túy thuê để có tiền tiêu xài. Bị cáo L cũng là người trực tiếp liên hệ và thu tiền của các đối tượng sử dụng ma túy. Bị cáo D là người giúp sức, canh gác, giữ trật tự khi có các đối tượng sử dụng ma túy thuê phòng. Căn cứ vào nhân thân cũng như các tình tiết

giảm nhẹ, xét mức hình phạt mà Đại Dện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo L là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận; đối với bị cáo D là nặng cần có mức hình phạt nhẹ hơn để thể hiện sự khoan H của pháp luật, giáo dục bị cáo trở thành người tốt.

[7] Về biện pháp tư pháp:

Đối với 01 (một) điện thoại D động hiệu Oppo, màu đen và 01 (một) điện thoại động Nokia, màu đen là tài sản cá nhân của bị cáo D, không liên quan đến vụ án nên trả cho bị cáo.

Đối với 01 (một) bộ loa có 03 (ba) cái, hiệu F8D; 01 (một) đèn quay phát sáng nhiều màu, hiệu PLO; 01 (một) đèn laze, hiệu mini Stage Lighting; 01 (một) điện thoại D động hiệu Iphone, màu trắng, có sim số 0383.343.XXX là công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 (một) túi nylon miệng kéo dính bên trong không có gì, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Buộc bị cáo L nộp số tiền 3.XX0.000đ (ba triệu năm trăm ngàn đồng) thu lợi bất chính sung ngân sách nhà nước.

[8] Án phí sơ thẩm: Bị cáo pH nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106, 136, 260, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị Tuyết L và Danh Thanh D phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị Tuyết L 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/01/2020.

2.2. Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Danh Thanh D 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/01/2020.

3. Về biện pháp tư pháp:

Trả cho bị cáo Danh Thanh D 01 (một) điện thoại D động hiệu Oppo, màu đen và 01 (một) điện thoại động Nokia, màu đen.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) bộ loa có 03 (ba) cái, hiệu F8D; 01 (một) đèn quay phát sáng nhiều màu, hiệu PLO; 01 (một) đèn laze, hiệu

Mini Stage Lighting; 01 (một) điện thoại D động hiệu Iphone, màu trắng, có sim số 0383.343.XXX.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) túi nylon miệng kéo dính bên trong không có gì.

Buộc bị cáo Phạm Thị Tuyết L nộp số tiền 3.XX0.000đ (ba triệu năm trăm ngàn đồng) thu lợi bất chính sung ngân sách nhà nước.

(Thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng số 130.20 ngày 21/5/2020 giữa Chi cục Thi hành án dân sự và Công an thành phố Thủ Dầu Một).

4. Về án phí: Buộc mỗi bị cáo nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Châu Giang